TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/DS-ST
Ngày 01/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 01/9/2020, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST – DS ngày 28/5/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐST-DS, ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: ấp 6, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn H1 (Dương Thanh H1), sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp 6, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H2 (T), sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp 6, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp 2, xã Vĩnh T, huyện V, tỉnh Hậu Giang

Các đương sự có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào ngày 28/6/2018, ông Dương Văn H1 có hỏi mượn của bà

số tiền 9.600.000 đ, có làm giấy nợ, thỏa thuận 3 tháng sau sẽ trả, khi mượn không có thỏa thuận lãi suất. Bà có đòi nhiều lần nhưng đến nay ông H1 không đồng ý trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 trả số tiền 9.600.000 đ và lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H rút lại yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2020 bị đơn ông Dương Thanh H1 trình bày: Ông có vợ là bà Phạm Thị H2 hiện đã ly hôn. Trước khi ly hôn bà H2 có vay nợ của nhiều người nhưng ông không hay biết. Khi chủ nợ đến nhà yêu cầu ông ký vào giấy nợ thì ông có ký tên của ông. Ông xác định chữ ký trong giấy nợ ghi "tiền nợ" là của ông nhưng do số tiền này do bà TH2 vay nên ông không đồng ý trả.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/7/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2 trình bày: Bà là vợ của ông Phạm Thanh H1 nhưng bà và ông H1 đã ly hôn vào năm 2019. Khoảng năm 2017 bà và ông H1 có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 9.600.000đ. Đến năm 2018 thì thỏa thuận với chủ nợ và ông H1 có ký tên vào giấy nợ. Lãi suất 40.000đ/triệu/tháng. Từ ngày làm biên nhận đến nay không có trả lãi. Số tiền bà và ông H1 vay để phục vụ chung trong gia đình.

Khi ly hôn bà và ông H1 có thỏa thuận ông H1 quản lý hết tài sản chung thì chịu trách nhiệm trả nợ. Tuy nhiên ông H1 không thực hiện nên bà H khởi kiện.

Vì tài sản bà đã giao cho ông H1 hết nên bà không có khả năng trả nợ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp giấy tay "tiền nợ" cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Dương Thanh H1 trả số tiền 9.600.000 đ, rút lại yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn ông Dương Thanh H1 không thống nhất đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị H2 đồng ý cùng chịu trách nhiệm về số nợ trên với ông Dương Thanh H1 tuy nhiên hiện tại bà không có tài sản nên không có khả năng trả.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí các đương sự phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Dương Thanh H1 trả số tiền còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định là "tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung khởi kiện: Căn cứ vào tờ "tiền nợ" do bà Nguyễn Thị H nộp cho Tòa án thể hiện được vào ngày 28/6/2018 ông Dương Thanh H1 có mượn của bà Nguyễn Thị H số tiền 9.600.000 đ. Ông H1 thừa nhận chữ ký trong giấy nợ là của ông nên bà H khởi kiện là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải, tuy nhiên bị đơn vắng mặt và nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có yêu cầu không tiến hành hòa giải nữa. Ông H1 cho rằng số tiền này là do bà H2 vay ông không biết và không đồng ý trả là không có cơ sở. Việc ông thống nhất ký tên vào giấy nợ đồng nghĩa với việc ông đã biết và đã thừa nhận số nợ này nên ông phải chịu trách nhiệm về số tiền nợ đối với bà H. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án bà H2 đều thống nhất là nợ chung, bà cũng đồng ý chịu trách nhiệm cùng ông H1 nhưng do hiện tại tài sản bà đã giao cho ông H1 nên không có khả năng trả. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị H2 phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H cùng với ông Dương Thanh H1.

Do bà H rút lại yêu cầu tính lãi suất, xét thấy đây là sự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất.

[3]. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí. Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí.

Các đương sự còn được kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị H.

Buộc ông Dương Thanh H1 và bà Phạm Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 9.600.000đ (Chín triệu sáu trăm ngàn đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Thanh H1 và bà Phạm Thị H2 phải nộp số tiền 480.000đ (Bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Lưu.

Quách Thị Mỹ Trúc